

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 84/2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế khai thác dầu khí

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 48/2000/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí và Nghị định số 115/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2000/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí và Quy chế đấu thầu dự án tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí ban hành kèm theo Nghị định số 34/2001/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khai thác dầu khí.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2011.

Quyết định này thay thế Quyết định số 163/1998/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế khai thác tài nguyên dầu khí.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Công thương hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ KHAI THÁC DẦU KHÍ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 84/2010/QĐ-TTg
ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động khai thác dầu khí.
2. Quy chế này quy định về hoạt động khai thác dầu khí trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Can thiệp giếng là hoạt động sửa chữa hoặc các tác động kỹ thuật được tiến hành tại giếng khai thác, giếng bơm ép, giếng thải hoặc giếng khảo sát nhằm phục hồi, tăng cường hay thay đổi lưu lượng khai thác hoặc bơm ép, bao gồm cả việc hoàn thiện lại giếng;
2. Công trình khai thác dầu khí là tổ hợp các phương tiện và thiết bị phục vụ công tác khai thác dầu khí bao gồm giàn cố định, giàn di động, kho chứa, bồn chứa, hệ thống đường ống, phao neo, giếng và các thiết bị liên quan;
3. Thiết bị và phương tiện khai thác là thiết bị được lắp đặt ở khu vực khai thác bao gồm các thiết bị tách, xử lý, các thiết bị phụ trợ phục vụ khai thác, vùng tập kết, sân đỗ trực thăng, kho bãi, bồn chứa, nhà ở, nhưng không bao gồm giàn, hệ thống khai thác dưới nước, thiết bị khoan, hệ thống thiết bị lặn hoặc đường ống xuất;
4. Công trình khai thác dầu khí ngoài khơi là công trình khai thác dầu khí được xây dựng, lắp đặt tại các vị trí ngoài khơi;
5. Công trình khai thác dầu khí trên đất liền là công trình khai thác dầu khí được xây dựng, lắp đặt trên đất liền và đảo tự nhiên hay đảo nhân tạo;
6. Chất lưu là dầu thô, khí khô, khí ngưng, hỗn hợp khí lỏng hay nước;

7. Chất thải là các loại chất rắn, chất lỏng, khí hoặc dung dịch thải từ giếng hoặc các tạp chất khác phát sinh trong hoạt động khai thác hoặc các hoạt động khác tại mỏ;

8. Điều kiện môi trường vật lý là điều kiện khí hậu, thủy văn, hải dương và các điều kiện vật lý khác, liên quan đến việc thực hiện Quy chế này;

9. Đội khai thác dầu khí là nhân sự được Người điều hành giao trách nhiệm vận hành công trình khai thác dầu khí;

10. Đường ống bơm ép là đường ống vận chuyển chất lưu tới giếng bơm ép hay tới giếng thải;

11. Đường ống công nghệ là đường ống dùng để vận chuyển chất lưu từ giếng tới thiết bị công nghệ và ngược lại;

12. Đường ống nội mỏ là đường ống dùng để vận chuyển chất lưu nối giữa các công trình khai thác trong phạm vi mỏ;

13. Đường ống xuất là đường ống vận chuyển dầu khí từ công trình khai thác đến địa điểm khác nằm ngoài khu vực khai thác;

14. Giếng bơm ép là giếng dùng để bơm ép chất lưu vào vỉa hay mỏ;

15. Giếng dầu là giếng khai thác dầu thô từ vỉa, tầng sản phẩm hay mỏ dầu;

16. Giếng khí là giếng khai thác khí từ vỉa khí, tầng sản phẩm hay mỏ khí hoặc từ mũ khí của mỏ dầu;

17. Giếng thăm lượng là giếng được khoan để thu thập thêm thông tin về trữ lượng và tính chất của vỉa sản phẩm, tầng sản phẩm hay của mỏ;

18. Giếng phát triển là giếng được khoan vào vỉa sản phẩm, tầng sản phẩm hay mỏ để tiến hành các hoạt động sau đây:

- a) Khai thác sản phẩm hoặc chất lưu;
- b) Quan sát, theo dõi động thái của vỉa sản phẩm;
- c) Bơm ép chất lưu vào vỉa hoặc tầng sản phẩm;
- d) Bơm thải chất lưu vào giếng.

19. Hệ số thu hồi dầu khí là tỷ lệ giữa lượng dầu khí có thể khai thác được từ mỏ hoặc vỉa chứa so với trữ lượng dầu khí tại chỗ của mỏ hoặc vỉa trong điều kiện kinh tế, kỹ thuật dự kiến;

20. Hoạt động khai thác dầu khí là mọi hoạt động liên quan tới việc khai thác dầu khí từ vỉa, tầng sản phẩm hay mỏ;

21. Kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí là kế hoạch tổng thể do Người điều hành lập và trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt để lựa chọn phương án phát triển thích hợp (phát triển sớm hoặc toàn mỏ) tại thời điểm lập báo cáo có tính đến khả năng phát triển mở rộng của mỏ hoặc khu vực (nếu có) trong tương lai;

22. Kế hoạch khai thác sớm dầu khí là tài liệu do Người điều hành lập, được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua và trình Bộ Công thương phê duyệt nhằm áp dụng công nghệ phù hợp để thu thập thông tin về vỉa hay mỏ hoặc thu thập thông tin về động thái khai thác nhằm tối ưu hóa việc phát triển mỏ;

23. Kế hoạch phát triển mỏ dầu khí là tài liệu do Người điều hành lập, được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tiến hành các hoạt động xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị và khai thác vỉa hoặc mỏ;

24. Khoảng hoàn thiện giếng là khoảng thân giếng đã được gia cố hoặc lắp đặt trang thiết bị mà qua đó chất lưu đi vào hoặc đi ra khỏi thân giếng;

25. Khoảng vành xuyên khai thác dầu khí là khoảng không gian giữa thành ngoài ống khai thác và thành trong ống chống khai thác;

26. Khu vực khai thác dầu khí là khu vực đang có hoặc sẽ được lắp đặt các công trình khai thác dầu khí theo quy định của Quy chế này;

27. Mỏ dầu khí là tổ hợp các cấu trúc địa chất trong lòng đất trong đó đã được xác định có một hoặc nhiều vỉa sản phẩm hoặc tầng sản phẩm được đánh giá có chứa dầu, khí có khả năng khai thác thương mại và được đánh giá khai thác đảm bảo tính kinh tế ở thời điểm xác định;

28. Nước khai thác là nước được thu hồi đồng hành cùng với dầu khí từ giếng khai thác;

29. Nước vỉa là nước có nguồn gốc tự nhiên xuất hiện trong các khoảng rỗng của đất đá, kể cả nước tự nhiên trong vỉa, thành hệ, các tầng chứa khác và chỉ di chuyển vào vỉa hay mỏ do ảnh hưởng của các hoạt động khai thác;

30. Ống chống khai thác dầu khí là ống chống được lắp đặt trong thân giếng nhằm mục đích ngăn cách vỉa chứa dầu khí với các vỉa khác;

31. Ống khai thác dầu khí là ống được lắp đặt dọc theo thân giếng để khai thác hoặc bơm ép chất lưu;

32. Pac-ke là thiết bị lòng giếng được sử dụng để cách ly khoảng không vành xuyên giữa ống khai thác và ống chống khai thác hoặc khoảng thân trần nhằm phục vụ cho hoạt động khai thác hoặc bơm ép của giếng;